



xiè ròu

蟹肉

noun · crab meat

Example Sentences

zhè dào cài yòng le xīn xiān de xiè ròu
这道菜用了新鲜的蟹肉。

This dish uses fresh crab meat.

wǒ xǐ huan chī xiè ròu chǎo fàn
我喜欢吃蟹肉炒饭。

I like eating crab meat fried rice.

Trace each character, then write the word on your own.

蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹
蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹	蟹

肉	肉	肉	肉	肉	肉	肉	肉	肉		
